

Số: 37/TB-THPTTVB

Hồng Quang, ngày 04 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2026 - 2027

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục phổ thông

“Trường trung học phổ thông Trần Văn Bảo”

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

- Địa chỉ: TDP Tân Trại, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại: 0228.3926.668

- Email: thpt.tranvanbao@namdinh.edu.vn

- Website: <https://thpttranvanbao.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu.

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường THPT Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình

4. Sứ mạng, tầm nhìn, hệ giá trị cơ bản và mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng:

“Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội được học tập sáng tạo, rèn luyện tích cực, vui chơi lành mạnh và phát triển toàn diện”.

b) Tầm nhìn:

Xây dựng trường THPT Trần Văn Bảo trở thành một ngôi trường THPT không chuyên thuộc top trung bình của tỉnh Ninh Bình; là một môi trường thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng, thầy và trò cùng có khát vọng vươn lên để tỏa sáng.

c) Hệ thống giá trị cơ bản

“Đoàn kết - Đổi mới - Siêng năng - Sáng tạo - Nhân ái - Năng động”

- Đoàn kết:

+ Môi trường làm việc, học tập thân thiện, gần gũi, dân chủ, mọi người hoà thuận, đồng lòng trong mọi công việc.

+ Phát huy tối đa sức mạnh tập thể

- Đổi mới:

- + Tính tiên phong, luôn mong muốn làm mới bản thân
- + Dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm

- *Siêng năng:*

- + Học tập và rèn luyện bản thân một cách tích cực
- + Coi trọng hoạt động tập thể và lao động tốt

- *Sáng tạo:*

- + Giải quyết các vấn đề một cách thông minh và quyết đoán
- + Phương pháp học tập khoa học đem lại hiệu quả cao.

- *Nhân ái*

- + Thương yêu con người, sống hòa đồng nhân ái
- + Thương yêu môi trường, không ngừng bảo vệ môi trường sống.

- *Năng động*

- + Tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, hoạt động xã hội.
- + Biết tìm tòi cái mới, chọn lọc cái hay để ứng dụng kịp thời các thay đổi trong giai đoạn hiện nay.

d) Mục tiêu chiến lược

“Tự hào truyền thống, vững bước hiện tại và toả sáng tương lai”. Quyết tâm xây dựng thương hiệu THPT Trần Văn Bảo luôn trong tốp các trường THPT có chất lượng dạy và học cao của tỉnh Ninh Bình; Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, tăng cường hoạt động ngoài giờ lên lớp, nâng cao kết quả dạy và học ngoại ngữ đặc biệt là khả năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp. Chuẩn bị mọi điều kiện con người, cơ sở vật chất để triển khai thành công chương trình giáo dục phổ thông 2018;

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT Trần Văn Bảo thành lập theo Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 20/8/2007 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập trường THPT Trần Văn Bảo trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định (GDĐT), trên cơ sở phân tách từ phân hiệu II của trường THPT Lý Tự Trọng. Nhà trường là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp do Sở GDĐT quản lý và chỉ đạo trực tiếp, nhà trường tổ chức hoạt động theo điều lệ trường học của Bộ GDĐT. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, được UBND tỉnh Nam Định xếp hạng là trường THPT hạng II, đóng trên địa bàn xã Hồng Quang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; nay thuộc TDP Tân Trại, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình.

Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của: UBND tỉnh, Sở GDĐT; sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ của Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS) cùng với quyết tâm cao thầy và trò, trường THPT Trần Văn Bảo đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Nhà trường liên tục được công nhận là “Tập thể Lao động tiên tiến” năm học 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025. Chi bộ nhà trường liên tục được công nhận là Chi bộ hoàn thành

tốt nhiệm vụ năm 2023, 2024, 2025. Năm 2024-2025 nhà trường được công nhận Đạt Chuẩn thư viện mức độ 2, Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, Chuẩn Quốc gia mức độ 2, Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Tỷ lệ học sinh của nhà trường thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng hàng năm đạt trên 60%. Đoàn trường được Tỉnh Đoàn tặng Bằng khen. Có được những thành tích trên không thể không nói đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV) của nhà trường đã bền bỉ vượt khó trong công tác giảng dạy, hết lòng vì học sinh thân yêu. Nhà trường đã xây dựng được tập thể đoàn kết, nhất trí, nhiệt tình trách nhiệm, yêu nghề và vững vàng trong chuyên môn.

Năm học 2025 - 2026 trường có 23 lớp với 1001 học sinh, trong đó khối 12 có 7 lớp, khối 11 có 8 lớp, khối 10 có 8 lớp. Hiện nay nhà trường có 62 CB, GV, NV trong đó biên chế là 56; Chi bộ Đảng có 34 đảng viên, 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 11 CBQL, GV có trình độ Thạc sĩ. Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, đủ phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn, nhà đa năng có trang thiết bị đạt chuẩn, khu sân chơi, khu luyện tập thể dục thể thao đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Cảnh quan nhà trường được bố trí, quy hoạch khoa học, hợp lý. Ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan nhà trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Người đại diện pháp luật: Trần Văn Tuyền
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Văn Bảo, TDP Tân Trại, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Số điện thoại: 084.350.1157
- Địa chỉ thư điện tử: tranvantuyentvb@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy.

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sát nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có).

Trường THPT Trần Văn Bảo được thành lập theo Quyết định số 1867/QĐ-UBND ngày 20/8/2007 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập trường THPT Trần Văn Bảo trực thuộc Sở GDĐT Nam Định, trên cơ sở phân tách từ phân hiệu II của trường THPT Lý Tự Trọng.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở giáo dục

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng - Đồng chí Trần Văn Tuyền: Quyết định số 281/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Ninh Bình về việc bổ nhiệm viên chức quản lý:

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng - Đồng chí Trần Đức Thiện: Quyết định số 282/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Ninh Bình về việc bổ nhiệm viên

chức quản lý.

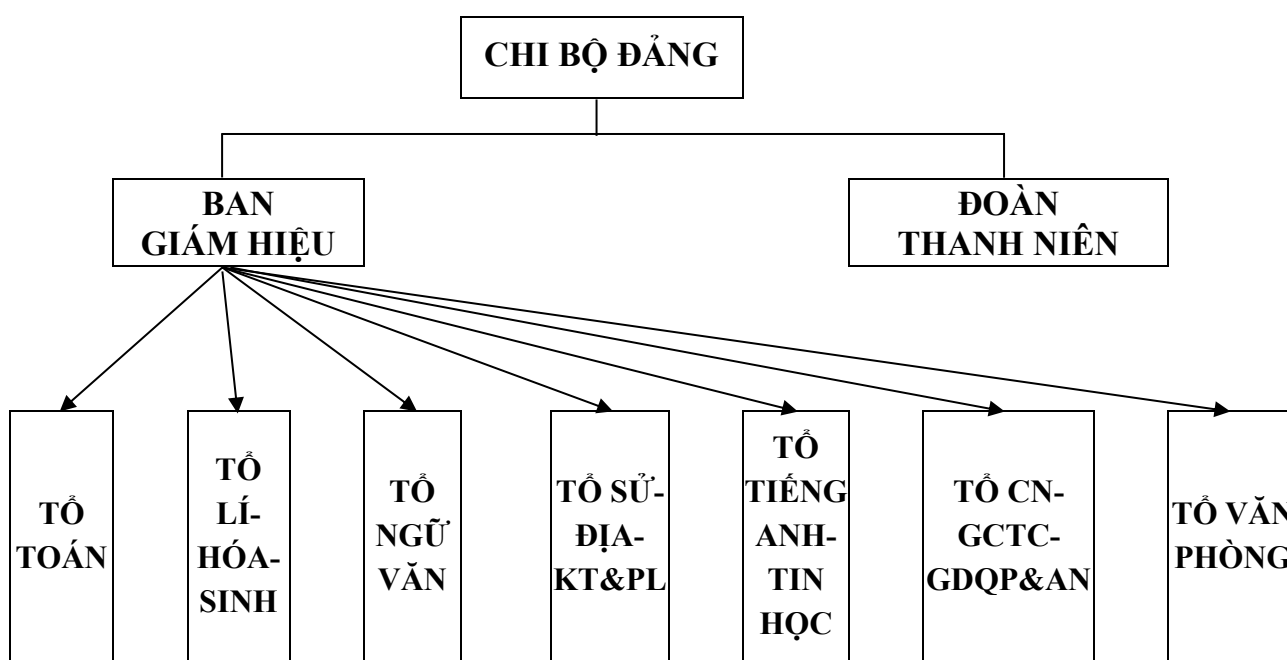
- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng - Đồng chí Hoàng Trung Thành: Quyết định số 285/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Ninh Bình về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng - Đồng chí Nguyễn Xuân Trung: Quyết định số 283/QĐ-SGDĐT ngày 10/7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT Ninh Bình về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

- Quy chế làm việc của trường THPT Trần Văn Bảo: đính kèm tại địa chỉ <https://thpttranvanbao.ninhbinh.edu.vn/cac-quy-che-nam-hoc-2025-2026-cua-truong-thpt-tran-van-bao.html>

- Sơ đồ tổ chức bộ máy



- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường THPT Trần Văn Bảo:

Trường THPT Trần Văn Bảo là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trường THPT Trần Văn Bảo được quy định tại Điều 3 của Thông tư 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 Thông tư Ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học cụ thể gồm:

1. Xác định tầm nhìn, sứ mạng, các giá trị cốt lõi của nhà trường; xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng

yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với điều kiện thực tiễn, nhu cầu và đặc điểm của học sinh.

3. Quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, bao gồm tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM/STEAM, năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), hướng nghiệp, kỹ năng sống, giáo dục hội nhập, giáo dục hòa nhập và các hoạt động giáo dục tăng cường theo nhu cầu, sở thích chính đáng của học sinh, phù hợp với quy định của pháp luật; không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Chủ động triển khai hoặc phối hợp với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có chức năng trong hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo để thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh, phát triển đội ngũ, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và đạt chuẩn quốc gia. Tham gia các kỳ đánh giá quốc gia, quốc tế về chất lượng giáo dục phổ thông theo yêu cầu của các cơ quan quản lý giáo dục quốc gia và địa phương.

5. Thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục phổ thông và quản trị nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý; phát triển, sử dụng học liệu số; quản lý, khai thác, kết nối dữ liệu giáo dục theo quy định, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin.

6. Tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức thực hiện giáo dục bắt buộc đối với cấp tiểu học và trung học cơ sở. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

7. Quản lý, thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục theo quy định của pháp luật; tổ chức cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục, học sinh tham gia các hoạt động xã hội; thực hiện quy chế dân chủ trong trường học.

8. Phối hợp với gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh, tổ chức các hoạt động tư vấn học sinh, chăm sóc sức khỏe thể chất, tinh thần cho học sinh và tổ chức các hoạt động xã hội; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương; phòng, chống tiêu cực, bạo lực học đường và các hành vi vi phạm pháp luật trong nhà trường; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

9. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa bảo đảm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm; huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa phục vụ hoạt động dạy và học trong nhà trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Chi bộ Đảng trường THPT Trần Văn Bảo: Gồm 34 đồng chí chiếm 55% trong đó Đảng viên chính thức có 30 đồng chí; Đảng viên dự bị 02 đồng chí trong đó Chi ủy gồm: 03 đồng chí trong đó có 02 đồng chí trong Ban Giám hiệu

- Ban Giám hiệu: Gồm 04 đồng chí trong đó có 01 Hiệu trưởng; 03 Phó Hiệu trưởng

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường THPT Trần Văn Bảo: Có gồm 24 chi đoàn trong đó có 01 chi đoàn giáo viên và 23 chi đoàn học sinh với hơn 700 đoàn viên.

- Tổ chuyên môn: Trường THPT Trần Văn Bảo có 06 tổ chuyên môn cụ thể là

+ Tổ Toán: Có 10 người (08 Toán và 02 CBQL; số giáo viên có bằng thạc sĩ: 03).

+ Tổ Lý-Hóa-Sinh: Có 11 người (04 Lý, 04 Hóa, 03 Sinh và 01 CBQL; số giáo viên có bằng thạc sĩ: 06).

+ Tổ CN-GDTC-GDQP&AN: Có 08 người (03 CN, 03 GDTC, 02 GDQP&AN)

+ Tổ Sử-Địa-KT&PL: 07 người (02 Sử, 02 Địa, 02 KT&PL và 01 CBQL)

+ Tổ Ngữ văn: 07 người (số giáo viên có bằng thạc sĩ: 01).

+ Tổ Tiếng Anh-Tin học: 09 người (06 Tiếng Anh; 03 Tin, số giáo viên có bằng thạc sĩ: 01).

- Tổ Văn phòng: 09 người (01 Kế toán; 01 TBTN, 01 Thư viện; 01 Y tế học đường; 01 CNTT; 01 Văn thư, 01 Tạp vụ; 02 Bảo vệ)

- Hội đồng thi đua khen thưởng: Được thành lập hằng năm theo hướng dẫn của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Hội đồng kỷ luật: Chỉ thành lập khi có sự việc bất thường phải xử lý kỷ luật hàng năm.

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Hòm thư điện tử
1	Trần Văn Tuyên	Hiệu trưởng	0843501157	tranvantuyentvb@gmail.com
2	Hoàng Trung Thành	Phó Hiệu trưởng	0912836546	hoangthanh.namtruc@gmail.com
3	Nguyễn Xuân Trung	Phó Hiệu trưởng	0913568506	trungthptntt@gmail.com
4	Trần Đức Thiện	Phó Hiệu trưởng	0915514799	tdthien84@gmail.com

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Văn Bảo, TDP Tân Trại, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a) Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng 3	Hạng 2	Hạng 1
I	Giáo viên	49	0	07	43	0	0	0	47	03	0
1	Toán	08	0	01	07				08	0	
2	Vật lý	04	0	0	04				03	01	
3	Hóa học	04	0	03	01				04	0	
4	Sinh học	03	0	02	01				03	0	
5	Công nghệ	03	0	0	03				03	0	
6	Tin học	03	0	0	03				03	0	
7	Ngữ văn	07	0	01	06				06	01	
8	Lịch sử	02	0	0	02				02	0	
9	Địa lý	02	0	0	02				02	0	
10	Tiếng Anh	06	0	01	05				05	01	
11	GDKT&PL	02	0	0	02				02	0	
12	GDTC	03	0	0	03				03	0	
13	GDQP	02	0	0	02				02	0	
14	Mỹ thuật	0	0	0	0				0	0	
15	Âm nhạc	0	0	0	0				0	0	
II	Cán bộ quản lý	04	0	03	01				02	01	
1	Hiệu trưởng	01	0	01	0				0	01	
2	Phó Hiệu trưởng	03	0	02	01				02	01	
III	Nhân viên	08			01	03	03	01			
1	Nhân viên văn thư	01					01				
2	Nhân viên kế toán	01			01						
3	Nhân viên y tế	01					01				
4	Nhân viên thư viện	01			01						
5	Nhân viên giáo vụ	01									
6	Nhân viên công nghệ thông tin	01					01				
7	Nhân viên bảo vệ	01						02			

8	Nhân viên phục vụ	01					01			
9	Nhân viên phụ trách quản lý thiết bị	01				01				

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo Quy định

- Số lượng giáo viên đạt chuẩn: $49/49 = 100\%$

- Số lượng CBQL đạt chuẩn: $04/04 = 100\%$

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo Quy định.

- Số lượng giáo viên hoàn thành bồi dưỡng: $49/49 = 100\%$

- Số lượng CBQL hoàn thành bồi dưỡng: $04/04 = 100\%$

- Số lượng nhân viên hoàn thành bồi dưỡng: $07/07 = 100\%$

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Trường THPT Trần Văn Bảo được UBND tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 708838 ngày 13/4/2015 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 708839 ngày 13/4/2015. Tổng diện tích đất của trường THPT Trần Văn Bảo là 15.363 m².

- Diện tích đất trung bình tối thiểu trên một học sinh: 15,4 m²/học sinh. So với quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 thì đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao, khối phục vụ sinh hoạt, hạ tầng kỹ thuật.

Thông tin chung

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	23	Số m ² /hs
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	23	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhò	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45/1	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	15.363	17m ² /1hs

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.850	5.4m ² /1hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.242	1.24m ² /1hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	216	
3	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	108	
3	Diện tích thư viện (m ²)	200	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	900	1m ² /1hs
5	Diện tích phòng Đoàn, phòng truyền thống (m ²)	108	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Khối lớp 10	8	1/1
2	Khối lớp 11	8	1/1
3	Khối lớp 12	7	1/1
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
5		
VII I	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	17	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	03	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	08	
5	Tăng âm	26	
6	Thiết bị âm thanh không dây	04	
	Nội dung	Số lượng(m ²)	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn		

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
------------	--------------------	----------	-------------------	-----------------------------

		giáo viên	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		05		30/30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Theo đường link <https://thpt-tranvanbao.namdinh.edu.vn/tin-tuc/tin-tuc-cua-truong/thong-bao-danh-muc-sach-giao-khoa-su-dung-tai-truong-thpt-tran-van-bao-nam-hoc-2025-2026.html>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2023-2024, Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2023 – 2024.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x

Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Nhà trường tự đánh giá:

+ **Mức 1: 28/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 100%**

+ **Mức 2: 27/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 97%**

+ **Mức 3: 06/28 tiêu chí đạt yêu cầu = 21%**

Nhà trường tự đánh giá: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, chuẩn quốc gia mức độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Nhà trường được UBND tỉnh Nam Định công nhận trường THPT Trần Văn Bảo đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 28/12/2018).

- Nhà trường được Giám đốc Sở GDĐT Nam Định công nhận và cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 năm 2024 theo Quyết định số 2609/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2024.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a, Kết quả giáo dục đạt được học kì I năm học 2025-2026

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm học kì I năm học 2025-2026	1001	334	355	312

1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	939 93,81%	302 90,42%	332 93,52%	305 97,76%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	61 6,09%	32 9,58%	22 6,2%	7 2,24%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	1 0,1%		1 0,28%	
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	-	-	-	-
II	Số học sinh chia theo học lực học kì I năm học 2025-2026	1001	334	355	312
1	Tốt (tỉ lệ so với tổng số)	214 21,38%	30 8,98%	59 16,62%	125 40,06%
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)	536 53,55%	167 50%	186 52,39%	183 58,65%
3	Đạt (tỉ lệ so với tổng số)	236 23,58%	129 38,62%	104 29,3%	3 0,96%
4	Chưa đạt (tỉ lệ so với tổng số)	15 1,5%	8 2,4%	6 1,69%	1 0,32
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)				
a	Học sinh giỏi (tỉ lệ so với tổng số)				
b	Học sinh tiên tiến (tỉ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỉ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)				

IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi năm học 2025-2026	Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	Giải KK
1	Cấp tỉnh/thành phố	-	-	02	04
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	-	-	-	-
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp 2026	311	-	-	-
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp 2026	311	-	-	-
VII	Số học sinh thi đỗ đại học 2025 (tỉ lệ so với tổng số)	166	-	-	-
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ năm học 2025-2026	505/496	172/162	169/186	164/148
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	-	-	-	-

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

TT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
1	Kinh phí thường xuyên và Kinh phí tự đảm bảo từ nguồn CCTL: 10.575.000.000 đồng	Chi lương, các khoản đóng theo lương	91.3%	9.654.355.300 đồng
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.	8.7%	920.644.700 đồng
2	Kinh phí không thường xuyên	Chi tiền thưởng theo Nghị định 73/2024, trợ cấp cho giáo viên đi học sau đại học, cấp bù học phí hỗ trợ chi phí học tập, tăng cường cơ sở vật chất		554.810.000 đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	KHOẢN THU	MỨC THU
I	Năm học 2024-2025	

1.1	Tiền học phí (Theo Hướng dẫn số 1617/HD-SGDĐT ngày 30/8/2024 của Sở GDĐT)	90.000đ/hs/tháng
1.2	Tiền học thêm (Theo Hướng dẫn số 1628/HD-SGDĐT ngày 05/9/2024 của Sở GDĐT)	5.000đ/hs/tiết
1.3	Tiền coi xe (theo QĐ số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định)	10.000đ/hs/tháng (xe đạp) 15.000đ/hs/tháng (xe đạp, xe máy điện) 20.000đ/hs/tháng (xe máy)
1.4	Tiền nước uống (Theo Hướng dẫn số 1628/HD-SGDĐT ngày 05/9/2024 của Sở GDĐT)	10.000đ/hs/tháng
1.5	Tiền BHYT (theo Công văn số 1051/BHXH-QLTST ngày 05/8/2024 của BHXH tỉnh Nam Định)	73.710đ/hs/tháng
II	Năm học 2025-2026	Theo hướng dẫn của Sở GDĐT

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Thực hiện theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Trong năm 2024, số tiền học sinh được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập là 18.810.000 đồng.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): 117.521.100 đồng

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Theo đường Link công khai:

Nơi nhận:

- CMHS, HS trên địa bàn;
- Toàn thể CB, GV, NV trường;
- Website;
- Lưu: VT.



Trần Văn Tuyên